

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày 20-6-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản trong
hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Hoàng Phúc;

Bà Trần Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Thị Phương Liên là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: ông Võ Trung Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định số 14/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị T, sinh năm 1957 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Lò Ngò, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm Quang Đ, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Lò Ngò, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn bà Thái Thị T trình bày: Vào ngày 29/11/2014 âm lịch, bà H đến nhà bà hỏi mượn 21 chỉ vàng 24k để đặt cọc sang 09 công đất của người khác, vợ chồng bà H hứa vụ lúa tháng 1/2015 âm lịch sẽ trả. Đến hẹn, nhưng vợ chồng bà H vẫn không trả cho bà, bà H nói rằng: “Em chưa chồng tiền đất xong, chị chậm cho em, 02 tháng em sẽ cho tiền chị uống cà phê”. Sau đó vợ chồng bà H không trả vàng cho bà mà cứ 2 tháng bà H đưa cho bà 1.000.000 đồng, tổng cộng 04 lần là 4.000.000 đồng rồi ngưng không đưa nữa. Đến tháng 1/2016, bà nghe vợ chồng bà H bán đất, bà có đến nhà đòi vàng nhưng bà H nói đã trả nợ hết, bà H hẹn bán đất lần sau sẽ trả cho bà. Đến tháng 10/2017, bà tiếp tục đòi vàng nhưng bà H hẹn qua tết đi làm mượn sẽ trả. Đến ngày 15/5/2018, bà có đến nhà bà H đòi vàng nhưng bà H lại hẹn vụ mùa tới sẽ trả 01 chỉ vàng. Nhưng đến nay vợ chồng bà H vẫn không trả cho bà. Nay bà yêu cầu bà H, ông Đ phải trả cho bà 21 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99. Bà T không yêu cầu tính lãi.

- Đối với bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quang Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, nhưng bà H, ông Đ vắng mặt đến lần thứ hai nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Thái Thị T vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị H và ông Lâm Quang Đ phải trả cho bà 21 chỉ vàng 24k loại 99,99.

Đối với bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quang Đ được Tòa án niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà H, ông Đ vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Tranh chấp đòi lại tài sản trong hợp đồng vay” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai, lời trình bày, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số vàng 21 chỉ loại vàng 24k. Buộc bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quang Đ phải trả cho bà T số vàng 21 chỉ loại vàng 24k.

Về tiền lãi: Bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc bà Lê Thị H và ông Lâm Quang Đ phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản trong hợp đồng vay”. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú tại ấp Lò Ngò, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã đưa bị đơn là bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đ tham gia tố tụng, thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định tại Điều 68, Điều 70, Điều 196, Điều 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bà H, ông Đ được Tòa án triệu tập tham gia xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà H, ông Đ vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T, bị đơn Hiếu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ.

[3] Về nội dung:

Bà Thái Thị T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quang Đ phải trả cho bà T 21 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99.

Xét yêu cầu của bà Thái Thị T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quang Đ phải trả cho bà T số vàng 21 chỉ loại vàng 24k loại vàng 99,99 cũng như quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận:

Theo đơn khởi kiện, bà T trình bày vào ngày 29/11/2014 âm lịch, bà H đến nhà bà hỏi mượn 21 chỉ vàng 24k để đặt cọc sang 09 công đất của người khác, vợ chồng bà H hứa vụ lúa tháng 1/2015 âm lịch sẽ trả. Đến hẹn, vợ chồng bà H vẫn không trả cho bà, bà H có đến đòi nhiều lần bà H cứ hẹn dần và cho đến nay vợ chồng bà H vẫn không trả cho bà. Kèm theo đơn khởi kiện, bà T có cung cấp cho Tòa án giấy tay do bà H viết và ký tên có mượn của bà T (chị hai) ngày 29/11/2014, 2 cây 1 vàng hứa hết năm 2018 sẽ trả từ lần cho đến khi nào hết. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã đưa bị đơn là bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đ tham gia tố tụng, thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà H, ông Đ đều vắng mặt không có lý do. Trên cơ sở đơn khởi kiện và chứng cứ do bà T cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh ban hành quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 06/2019/QĐ.CCTLCC ngày 28/3/2019 yêu cầu bà Lê Thị H phải nộp cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, có đồng ý trả cho nguyên đơn bà T 21 chỉ vàng theo yêu cầu khởi kiện hay không. Trường hợp phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với mình phải thể hiện bằng văn bản, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó (bút lục số 28). Nhưng hết thời hạn nộp tài liệu, chứng cứ, ý kiến phản đối bà H không nộp cho Tòa án, coi như bà H mặc nhiên thừa nhận thiếu bà T số nợ 21 chỉ vàng 24k như bà T khởi kiện yêu cầu. Ngoài việc ra quyết định yêu cầu giao nộp chứng cứ, Tòa án nhân dân huyện tiến hành đến nhà bà H, ông Đ ghi lời khai, nhưng bà H, ông Đ đều trốn tránh không hợp tác nên không tiến hành ghi lời khai được bà H, ông Đ (bút lục số 28a).

Từ chứng cứ, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị T, chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa, buộc bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quang Đ phải trả cho bà T 21 chỉ loại vàng 24k loại 99,99.

[4] Về tiền lãi: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H và ông Lâm Quang Đ phải chịu án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm trên giá trị vàng phải trả cho bà Thái Thị T. Theo giá vàng 99,99 công bố ngày 20/6/2019 là 3.768.000 đồng/chỉ x 21 chỉ x 5% = 3.956.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; Điều 185; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều

228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị T về yêu cầu bà Lê Thị H và ông Lâm Quang Đ phải trả cho bà T 21 chỉ loại vàng 24k loại vàng 99,99.

Buộc bà Lê Thị H và ông Lâm Quang Đ phải hoàn trả cho bà Thái Thị T 21 chỉ loại vàng 24k loại vàng 99,99.

Về tiền lãi: Do bà Thái Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị H và ông Lâm Quang Đ phải chịu 3.956.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Văn Hùng